

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 784/2024/DS-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nga
- Ông Lê Văn Dương

– **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Trần Văn Đăng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 536/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 746/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 651/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M;

Địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000 – Chức danh: Chuyên viên pháp lý Công ty Luật T; địa chỉ liên hệ: Tầng 4, Tòa nhà số đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/6/2024) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 23/7/2022, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Sau đây được viết là Công ty M) và bà Hoàng Thị Lệ T ký Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 3399501 với số tiền là 30.914.000 đồng; lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20 là 3.67%/tháng, lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ 24 là 0%/tháng; thời hạn vay là từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày 15/7/2024.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Tài chính M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Hoàng Thị Lệ T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Hoàng Thị Lệ T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.960.976 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/08/2022 đến ngày 15/07/2024. Tuy nhiên, kể từ ngày 18/09/2022 bà Hoàng Thị Lệ T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty M.

Công ty M đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại và gửi thư đề nghị thanh toán nhưng bà Hoàng Thị Lệ T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Hoàng Thị Lệ T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 62.156.860 đồng, trong đó: Nợ gốc là 28.885.854 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.843.535 đồng, lãi quá hạn là 18.653.015 đồng, lãi chậm trả là 1.774.456 đồng.

2. Buộc bà Hoàng Thị Lệ T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/9/2024 cho đến trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Lệ T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Lệ T trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn hiện cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 19/7/2024 đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Hoàng Thị Lệ T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị Lệ T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 3399501 với số tiền là 30.914.000 đồng; lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 20 là 3.67%/tháng, lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 21 đến kỳ 24 là 0%/tháng; thời hạn vay là từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày 15/7/2024. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 25/7/2022, Công ty M đã chuyển tiền cho bà Hoàng Thị Lệ T số tiền 29.000.000 đồng, “nội dung thanh toán M chuyển tiền GN Hoàng Thị Lệ T HĐ 3399501” có cơ sở xác định bà Hoàng Thị Lệ T có vay tiền của Công ty M. Nội dung Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 27/7/2023, bị đơn bà Hoàng Thị Lệ T chỉ mới thanh toán được 02 kỳ (từ ngày 18/8/2022 đến ngày 17/9/2022) với tổng số tiền là 3.945.952 đồng. Từ ngày 18/9/2022 đến nay bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn. Tính đến ngày 26/9/2024 bà T còn nợ số tiền tổng cộng là 62.156.860 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi

sáu nghìn tám trăm sáu mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.885.854 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.843.535 đồng, lãi quá hạn là 18.653.015 đồng, lãi chậm trả là 1.774.456 đồng. Công ty M yêu cầu bà T thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/9/2024 cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: “*Đương sự Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1978, HKTT: Khu phố 3, phường T, Quận B nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Qua tra cứu trên dữ liệu dân cư được biết nơi đăng ký tạm trú là ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà T không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà T chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng là 62.156.860 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.885.854 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.843.535 đồng, lãi quá hạn là 18.653.015 đồng, lãi chậm trả là 1.774.456 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đối với bị đơn bà Hoàng Thị Lệ T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M số tiền tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng là 62.156.860 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.885.854 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.843.535 đồng, lãi quá hạn là 18.653.015 đồng, lãi chậm trả là 1.774.456 đồng.

Kể từ ngày 27/9/2024, bà Hoàng Thị Lệ T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 3399501 ngày 23/7/2022.

3. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Lệ T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.107.843 đồng (Ba triệu một trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.021.926 đồng (Một triệu không trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037580 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS huyện Bình Chánh
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tuyết